

THÔNG BÁO

Định mức thu học phí các lớp ngoại ngữ, tin học và lệ phí thi năm học 2026 – 2027 tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học

Căn cứ Quyết định số 1579/QĐ-ĐHĐT ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 5116/QĐ-ĐHĐT ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc quy định mức thu học phí các lớp ngoại ngữ, tin học và lệ phí thi năm học 2026 – 2027 tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học,

Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học thông báo định mức thu học phí các lớp ngoại ngữ, tin học và lệ phí thi năm học 2026 – 2027 tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học, cụ thể như sau:

1. Định mức học phí các lớp ngoại ngữ và tin học

STT	Tên lớp	Số tiết; số buổi	100% trực tiếp	70% trực tuyến + 30% trực tiếp	100% trực tuyến	Ghi chú
I	Các lớp UDCNTT cơ bản chuẩn đầu ra					
1	Lớp Ứng dụng CNTT cơ bản	75	1.800.000			Khóa
2	Lớp Ôn thi Ứng dụng CNTT cơ bản	45	1.200.000			Khóa
II	Các lớp tin học thiếu nhi					
1	Lớp Tin học trẻ em (Ms Paint và Ms PowerPoint) (từ lớp 5 đến lớp 9)	40	1.200.000			Khóa
2	Lớp Lắp ráp Robot và Lập trình SCRATCH điều khiển (từ lớp 3 đến lớp 9)	40	1.200.000			Khóa
3	Lớp Lập trình SCRATCH cơ bản (từ lớp 3 đến lớp 9)	40	1.200.000			Khóa
4	Lớp Lập trình SCRATCH nâng cao (từ lớp 3 đến lớp 9)	40	1.200.000			Khóa
5	Lớp Lập trình Python cơ bản	60	1.800.000			Khóa
6	Lớp Lập trình Python nâng cao	60	1.800.000			Khóa
7	Lớp lập trình C++ cơ bản	60	1.800.000			Khóa

STT	Tên lớp	Số tiết; số buổi	100% trực tiếp	70% trực tuyến + 30% trực tiếp	100% trực tuyến	Ghi chú
8	Lớp lập trình C++ nâng cao	60	1.800.000			Khóa
9	Ôn thi Chứng chỉ MOS	30	1.000.000			Khóa
III	Các lớp UĐCNTT nâng cao					
1	Lớp Xử lý văn bản nâng cao	45	1.350.000			Khóa
2	Lớp Sử dụng bảng tính nâng cao	45	1.350.000			Khóa
3	Lớp Sử dụng trình chiếu nâng cao	45	1.350.000			Khóa
4	Lớp Sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu	45	1.350.000			Khóa
5	Lớp Biên tập ảnh với Photoshop	45	1.350.000			Khóa
6	Lớp Biên tập trang thông tin điện tử (Moodle, Joomla)	45	1.350.000			Khóa
7	Lớp Thiết kế đồ họa hai chiều	45	1.350.000			Khóa
8	Lớp An toàn, bảo mật thông tin	45	1.350.000			Khóa
9	Lớp Sử dụng phần mềm kế hoạch dự án	45	1.350.000			Khóa
IV	Các lớp chuyên đề bồi dưỡng năng lực tin học					
1	Lớp Tin học cơ bản cho người khởi nghiệp	75	2.250.000			Khóa
2	Lớp Tin học văn phòng	30	900.000			Khóa
3	Lớp Ứng dụng CNTT trong kinh doanh	45	1.350.000			Khóa
4	Lớp Thiết kế trình chiếu và khai thác công cụ hỗ trợ dạy học trực tuyến	20	600.000			Khóa
5	Lớp Xử lý tư liệu trong hoạt động giảng dạy có UĐCNTT ở cấp mầm non, tiểu học	30	900.000			Khóa
6	Lớp Thiết kế đồ họa với Illustrator	45	1.350.000			Khóa
7	Lớp Ôn thi UĐCNTT cơ bản cho kỳ thi nâng hạng chuyên viên	30	900.000			Khóa
8	Lớp Ôn thi UĐCNTT cơ bản cho kỳ thi nâng hạng chuyên viên chính	30	900.000			Khóa
9	Lớp Bồi dưỡng năng lực UĐCNTT, sử dụng các phần mềm hỗ trợ công việc	30	900.000			Khóa

STT	Tên lớp	Số tiết; số buổi	100% trực tiếp	70% trực tuyến + 30% trực tiếp	100% trực tuyến	Ghi chú
10	Lớp Bồi dưỡng năng lực UDCNTT dành cho người khởi nghiệp	60	1.800.000			Khóa
11	Lớp Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dành cho học sinh phổ thông	30	900.000			Khóa
12	Lớp Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dành cho công việc văn phòng	30	900.000			Khóa
13	Lớp Ứng dụng trí tuệ nhân tạo quảng bá sản phẩm	30	900.000			Khóa
V	Các lớp ngoại ngữ chuẩn đầu ra (tiếng Anh/Trung/Pháp)					
*	Khóa tuyển sinh 2022					
1	Lớp tiếng Anh/Trung/Pháp B1	120	4.000.000			Khóa
*	Từ khóa tuyển sinh 2023					
1	Lớp tiếng Anh/Trung/Pháp 1	45	1.500.000			Khóa
2	Lớp tiếng Anh/Trung/Pháp 2	45	1.500.000			Khóa
3	Lớp tiếng Anh/Trung/Pháp 3	60	2.000.000			Khóa
VI	Các lớp tiếng Anh theo chuẩn VSTEP trong trường					
*	Các lớp học và Ôn VSTEP Bậc 3 (B1)					
1	Lớp Ôn tập kiến thức và hướng dẫn làm bài thi VSTEP Bậc 3 (B1)	150	5.200.000	4.260.000	4.050.000	Khóa
2	Lớp Ôn tập kiến thức và hướng dẫn làm bài thi VSTEP Bậc 3 (B1)	120	4.160.000	3.400.000	3.250.000	Khóa
3	Lớp Ôn tập kiến thức và hướng dẫn làm bài thi VSTEP Bậc 3 (B1)	90	3.120.000	2.560.000	2.450.000	Khóa
4	Lớp Ôn thi VSTEP Bậc 3 (B1) cấp tốc	60	2.200.000	1.800.000	1.700.000	Khóa
*	Các lớp học và Ôn VSTEP Bậc 4 (B2)					
1	Lớp Hướng dẫn làm bài thi VSTEP Bậc 4 (B2)	150	5.800.000	4.750.000	4.500.000	Khóa
2	Lớp Hướng dẫn làm bài thi VSTEP Bậc 4 (B2)	120	4.640.000	3.800.000	3.600.000	Khóa

STT	Tên lớp	Số tiết; số buổi	100% trực tiếp	70% trực tuyến + 30% trực tiếp	100% trực tuyến	Ghi chú
3	Lớp Hướng dẫn làm bài thi VSTEP Bậc 4 (B2)	90	3.480.000	2.850.000	2.700.000	Khóa
4	Lớp Ôn thi VSTEP Bậc 4 (B2) cấp tốc	60	2.300.000	1.900.000	1.800.000	Khóa
*	Các lớp học và Ôn VSTEP Bậc 5 (C1)					
1	Lớp Hướng dẫn làm bài thi VSTEP Bậc 5 (C1)	150	6.000.000	4.950.000	4.700.000	Khóa
2	Lớp Hướng dẫn làm bài thi VSTEP Bậc 5 (C1)	120	4.800.000	3.950.000	3.750.000	Khóa
3	Lớp Hướng dẫn làm bài thi VSTEP Bậc 5 (C1)	90	3.600.000	2.950.000	2.800.000	Khóa
4	Lớp Ôn thi VSTEP Bậc 5 (C1) cấp tốc	60	2.400.000	2.000.000	1.900.000	Khóa
VII	Các lớp tiếng Trung chuẩn HSK 1-3 và HSK 4 do Trường ĐHĐT tổ chức giảng dạy (mức giá niêm yết của Công ty CTI Việt Nam 6.900.000 đồng)					
1	Lớp HSK 1-3 (giảm 20%)	50	5.520.000			Khóa
2	Lớp HSK 4 (giảm 20%)	45	5.520.000			Khóa
VIII	Các lớp tiếng Trung chuẩn HSK 1-3 và HSK 4 do Công ty CTI Việt Nam tổ chức giảng dạy					
1	Lớp HSK 1-3 (theo mức giá niêm yết của CTI Việt Nam 6.900.000 đồng)	50			6.900.000	Khóa
2	Lớp HSK 4 (theo mức giá niêm yết của CTI Việt Nam 6.900.000 đồng)	45			6.900.000	Khóa
VIX	Các lớp giao tiếp tiếng Anh/Trung/Hàn/Nhật					
1	Lớp tiếng Anh giao tiếp	90	3.000.000	2.400.000	2.050.000	Khóa
2	Lớp tiếng Trung giao tiếp 1	45	1.500.000	1.200.000	1.050.000	Khóa
3	Lớp tiếng Trung giao tiếp 2	45	1.500.000	1.200.000	1.050.000	Khóa
4	Lớp tiếng Hàn giao tiếp 1	120	4.000.000	3.200.000	2.750.000	Khóa
5	Lớp tiếng Hàn giao tiếp 2	120	4.000.000	3.200.000	2.750.000	Khóa
6	Lớp tiếng Nhật Sơ cấp N5.1	78	2.438.000			Khóa
7	Lớp tiếng Nhật Sơ cấp SC N5.2	72	2.250.000			Khóa

STT	Tên lớp	Số tiết; số buổi	100% trực tiếp	70% trực tuyến + 30% trực tiếp	100% trực tuyến	Ghi chú
8	Lớp tiếng Nhật Sơ cấp SC N5.3	72	2.250.000			Khóa
9	Lớp tiếng Nhật Sơ cấp SC N4.1	72	2.250.000			Khóa
10	Lớp tiếng Nhật Sơ cấp SC N4.2	72	2.250.000			Khóa
11	Lớp tiếng Nhật Sơ cấp SC N4.3	72	2.250.000			Khóa
X	Các lớp IELTS					
1	Lớp KET	8	600.000			Tháng
2	Lớp PET	8	700.000			Tháng
3	Lớp FCE	8	1.000.000			Tháng
4	Lớp IELTS 5.5 - 6.5	8	1.200.000	900.000	800.000	Tháng
5	Lớp IELTS 6.5 - 7.5	8	1.300.000	1.000.000	900.000	Tháng
XI	Các lớp tiếng Anh trẻ em với giáo viên Việt Nam					
1	Lớp tiếng Anh Mầm non	8	350.000			Tháng
2	Lớp Pre - Starters	8	370.000			Tháng
3	Lớp Starters	8	390.000			Tháng
4	Lớp Movers	8	420.000			Tháng
5	Lớp Flyers	8	450.000			Tháng
XII	Các lớp tiếng Anh trẻ em với giáo viên nước ngoài					
1	Lớp Pre - Starters (2 buổi GV Nước ngoài + 6 buổi GV Việt Nam)	8	520.000			Tháng
2	Lớp Starters (2 buổi GV Nước ngoài + 6 buổi GV Việt Nam)	8	560.000			Tháng
3	Lớp Movers (2 buổi GV Nước ngoài + 6 buổi GV Việt Nam)	8	580.000			Tháng
4	Lớp Flyers (2 buổi GV Nước ngoài + 6 buổi GV Việt Nam)	8	600.000			Tháng
XIII	Các lớp ngoại ngữ, tin học liên kết ngoài trường (mức thu theo thỏa thuận hợp đồng)					

2. Định mức lệ phí thi ngoại ngữ và tin học

STT	Nội dung	Mức thu	Ghi chú
I	Chứng chỉ Đánh giá năng lực tiếng Anh theo VSTEP		
1	Đối tượng dự thi là viên chức, nhân viên và sinh viên chính quy của Trường Đại học Đồng Tháp có tham gia lớp học VSTEP tại Trung tâm	1.000.000	Bao gồm phí cấp chứng chỉ
2	Đối tượng dự thi là viên chức, nhân viên và sinh viên chính quy của Trường Đại học Đồng Tháp không tham gia lớp học VSTEP tại Trung tâm.	1.300.000	Bao gồm phí cấp chứng chỉ
3	Đối tượng dự thi là học viên các lớp ôn VSTEP tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học Trường Đại học Đồng Tháp	1.300.000	Bao gồm phí cấp chứng chỉ
4	Đối tượng dự thi là thí sinh tự do	1.500.000	Bao gồm phí cấp chứng chỉ
II	Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		
1	Đối tượng là học viên Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học Trường Đại học Đồng Tháp	450.000	Bao gồm phí cấp chứng chỉ
2	Đối tượng dự thi là thí sinh tự do	800.000	Bao gồm phí cấp chứng chỉ
III	Chứng nhận ngoại ngữ chuẩn đầu ra (tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Pháp)		
1	Đối tượng là học viên Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học Trường Đại học Đồng Tháp	420.000	Bao gồm phí cấp chứng nhận
2	Đối tượng dự thi là thí sinh tự do	820.000	Bao gồm phí cấp chứng nhận
IV	Lệ phí thi ở các đơn vị liên kết (mức thu theo thỏa thuận hợp đồng)		

3. Chính sách miễn giảm học phí

* Đối với các lớp tiếng Anh, tin học thiếu nhi và các lớp IELTS, VSTEP (đối tượng là học sinh THCS, THPT) được áp dụng mức miễn, giảm học phí như sau:

- Giảm 20% học phí cho học viên là con của viên chức công tác trong ngành giáo dục.
- Giảm 30% học phí cho học viên là con của viên chức Trường Đại học Đồng Tháp.
- Giảm 3% học phí hoặc tặng 01 áo thun khi học viên đóng tiền trước 3 tháng liên tục.
- Miễn học phí tháng thứ 07 hoặc tặng 01 balo khi học viên đóng tiền trước 06 tháng liên tục.

* Đối với các lớp ngoại ngữ, tin học khác: Học viên là sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp thuộc diện con dân tộc thiểu số, con thương binh, liệt sỹ, cháu Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, gia đình hộ nghèo, cận nghèo, người khuyết tật (kèm hồ sơ

minh chứng) khi đăng ký học một trong các lớp ngoại ngữ, tin học tại Trung tâm sẽ được giảm 25% học phí của một lớp học và chỉ được giảm một lần duy nhất. Nếu đăng ký học lần thứ hai trở lên, sinh viên phải đóng 100% mức thu học phí theo quy định.

4. Thời gian áp dụng

Áp dụng định mức thu học phí mới từ ngày 01 tháng 9 năm 2026/.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Đối tượng có nhu cầu đăng ký học;
- Đăng Website Trung tâm;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Võ Minh Lâm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HCM